

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2025

(Hình thức đào tạo: Đại học chính quy)

I. THÔNG TIN CHUNG

- 1. Tên cơ sở đào tạo:** Trường Đại học Nha Trang
- 2. Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh:** TSN
- 3. Địa chỉ trụ sở:** Số 02 Nguyễn Đình Chiểu - P. Vĩnh Thọ - TP. Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa
- 4. Địa chỉ trang thông tin điện tử:** <http://tuyensinh.ntu.edu.vn/>
- 5. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh:** 0258.3831148
- 6. Địa chỉ công khai quy chế và thông tin tuyển sinh:** <https://tuyensinh.ntu.edu.vn/>
- 7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo:**
<https://tuyensinh.ntu.edu.vn/de-an-tuyen-sinh>
 - Chương trình đào tạo, ngành đào tạo: <https://ctdt.ntu.edu.vn/>
 - Đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý; cơ sở vật chất; quy mô đào tạo; tỷ lệ sinh viên có việc làm: <https://tuyensinh.ntu.edu.vn/de-an-tuyen-sinh>
 - Kế hoạch tuyển sinh các ngành: <https://tuyensinh.ntu.edu.vn/>

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC, TUYỂN SINH CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

Thí sinh (TS) có đủ các điều kiện được tham gia tuyển sinh đại học theo quy định tại Quy chế tuyển sinh hiện hành.

2. Mô tả phương thức tuyển sinh

Trường Đại học Nha Trang xét tuyển theo 3 phương thức:

- Phương thức 1: Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy chế của BGD&ĐT;
- Phương thức 2: Xét tuyển dựa vào Điểm thi đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM và Điểm thi đánh giá năng lực của ĐHQG-HN năm 2025;
- Phương thức 3: Xét tuyển dựa vào Điểm thi Tốt nghiệp THPT năm 2025.

3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

- Quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào: Thực hiện quy đổi tương đương theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT
- Điểm trúng tuyển: Công bố theo kế hoạch chung của Bộ GD&ĐT.

4. Chỉ tiêu tuyển sinh

Chỉ tiêu tuyển sinh theo từng ngành chi tiết theo bảng 1 dưới đây

Bảng 1: Danh mục ngành đào tạo, phương thức xét tuyển và chỉ tiêu tuyển sinh

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Điều kiện TA
I	CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẶC BIỆT					
1	7480201A	Công nghệ thông tin (<i>chương trình đào tạo đặc biệt</i>)	7480201	30	- Phương thức 1: Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy chế của BGD&ĐT - Phương thức 2: Điểm đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM và ĐHQG-HN 2025	X
2	7480201B	Công nghệ thông tin (<i>chương trình Việt - Nhật</i>)		30	- Phương thức 3: Điểm thi Tốt nghiệp THPT năm 2025 Tổ hợp: 1) Toán*2, Ngữ văn, Tin học 2) Toán*2, Ngữ văn, Vật lý 3) Toán*2, Ngữ văn, Công nghệ 4) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	X
3	7340301A	Kế toán (<i>chương trình đào tạo đặc biệt</i>)	7340301	30	- Phương thức 1: Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy chế của BGD&ĐT - Phương thức 2: Điểm đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM và ĐHQG-HN 2025 - Phương thức 3: Điểm thi Tốt nghiệp THPT năm 2025 Tổ hợp: 1) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh 2) Toán*2, Ngữ Văn, Giáo dục kinh tế và pháp luật 3) Toán*2, Ngữ văn, Tin học	X

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Điều kiện TA
4	7340201A	Tài chính - Ngân hàng (chương trình đào tạo đặc biệt)	7340201	30	- Phương thức 1: Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy chế của BGD&ĐT	X
					- Phương thức 2: Điểm đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM và ĐHQG-HN 2025	
					- Phương thức 3: Điểm thi Tốt nghiệp THPT năm 2025 Tổ hợp: 1) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh 2) Toán*2, Ngữ Văn, Giáo dục kinh tế và pháp luật 3) Toán*2, Ngữ văn, Tin học	
5	7340101A	Quản trị kinh doanh (chương trình đào tạo đặc biệt: Quản trị kinh doanh tổng hợp; Quản trị kinh doanh quốc tế)	7340101	30	- Phương thức 1: Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy chế của BGD&ĐT	X
					- Phương thức 2: Điểm đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM và ĐHQG-HN 2025	
					- Phương thức 3: Điểm thi Tốt nghiệp THPT năm 2025 Tổ hợp: 1) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh 2) Toán*2, Ngữ Văn, Giáo dục kinh tế và pháp luật 3) Toán*2, Ngữ văn, Tin học	
6	7810201A	Quản trị khách sạn (chương trình đào tạo đặc biệt)	7810201	60	- Phương thức 1: Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy chế của BGD&ĐT	X
					- Phương thức 2: Điểm đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM và ĐHQG-HN 2025	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Điều kiện TA
					- Phương thức 3: Điểm thi Tốt nghiệp THPT năm 2025 Tổ hợp: 1) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh 2) Toán*2, Ngữ Văn, Giáo dục kinh tế và pháp luật 3) Toán*2, Ngữ văn, Lịch sử 4) Toán*2, Ngữ Văn, Địa lý	
7	7810103A	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (<i>chương trình đào tạo đặc biệt</i>)	7810103	30	- Phương thức 1: Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy chế của BGD&ĐT - Phương thức 2: Điểm đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM và ĐHQG-HN 2025 - Phương thức 3: Điểm thi Tốt nghiệp THPT năm 2025 Tổ hợp: 1) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh 2) Toán*2, Ngữ Văn, Giáo dục kinh tế và pháp luật 3) Toán*2, Ngữ văn, Lịch sử 4) Toán*2, Ngữ Văn, Địa lý	X
8	7810103P	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (<i>chương trình song ngữ Pháp - Việt</i>)		30	- Phương thức 1: Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy chế của BGD&ĐT - Phương thức 2: Điểm đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM và ĐHQG-HN 2025	X

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Điều kiện TA
					- Phương thức 3: Điểm thi Tốt nghiệp THPT năm 2025 Tổ hợp: 1) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh 2) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Pháp 3) Toán*2, Ngữ Văn, Giáo dục kinh tế và pháp luật 4) Toán*2, Ngữ văn, Lịch sử 5) Toán*2, Ngữ Văn, Địa lý	
9	7540105HV	Công nghệ chế biến thủy sản (<i>chương trình Hải Vương - NTU</i>)	7540105	30	- Phương thức 1: Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy chế của BGD&ĐT - Phương thức 2: Điểm đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM và ĐHQG-HN 2025	X
10	7540105MP	Công nghệ chế biến thủy sản (<i>chương trình Minh Phú - NTU</i>)		50	- Phương thức 3: Điểm thi Tốt nghiệp THPT năm 2025 Tổ hợp: 1) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Sinh học 2) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Hóa học 3) Toán*2, Ngữ văn, Sinh học 4) Toán*2, Ngữ văn, Hóa học 5) Toán*2, Ngữ văn, Công nghệ 6) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	X
11	7620301MP	Nuôi trồng thủy sản (<i>chương trình Minh Phú - NTU</i>)	7620301	50	- Phương thức 1: Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy chế của BGD&ĐT - Phương thức 2: Điểm đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM và ĐHQG-HN 2025	X

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Điều kiện TA
					- Phương thức 3: Điểm thi Tốt nghiệp THPT năm 2025 Tổ hợp: 1) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Sinh học 2) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Hóa học 3) Toán*2, Ngữ văn, Sinh học 4) Toán*2, Ngữ văn, Hóa học 5) Toán*2, Ngữ văn, Công nghệ 6) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	
12	7420201MP	Công nghệ sinh học (<i>chương trình Minh Phú – NTU</i>)	7420201	15	- Phương thức 1: Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy chế của BGD&ĐT - Phương thức 2: Điểm đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM và ĐHQG-HN 2025 - Phương thức 3: Điểm thi Tốt nghiệp THPT năm 2025 Tổ hợp: 1) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Sinh học 2) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Hóa học 3) Toán*2, Ngữ văn, Sinh học 4) Toán*2, Ngữ văn, Hóa học 5) Toán*2, Ngữ văn, Công nghệ 6) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	X
13	7520103MP	Cơ khí thủy sản thông minh (<i>chương trình Minh Phú - NTU</i>)	7520103	30	- Phương thức 1: Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy chế của BGD&ĐT - Phương thức 2: Điểm đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM và ĐHQG-HN 2025	X

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Điều kiện TA
					- Phương thức 3: Điểm thi Tốt nghiệp THPT năm 2025 Tổ hợp: 1) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Vật lý 2) Toán*2, Ngữ văn, Vật lý 3) Toán*2, Ngữ văn, Tin học 4) Toán*2, Ngữ văn, Công nghệ 5) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	
II	CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN					
2.1	Nhóm ngành Thủy sản, Sinh học và Thực phẩm					
1	7620303	Khoa học thủy sản (02 chuyên ngành: Khai thác thủy sản, Khoa học thủy sản)	7620303	73	- Phương thức 1: Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy chế của BGD&ĐT - Phương thức 2: Điểm đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM và ĐHQG-HN 2025 - Phương thức 3: Điểm thi Tốt nghiệp THPT năm 2025 Tổ hợp: 1) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Sinh học 2) Toán*2, Ngữ văn, Sinh học 3) Toán*2, Ngữ văn, Hóa học 4) Toán*2, Ngữ văn, Tin học 5) Toán*2, Ngữ văn, Công nghệ 6) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	
2	7620305	Quản lý thủy sản	7620305	54	- Phương thức 1: Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy chế của BGD&ĐT - Phương thức 2: Điểm đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM và ĐHQG-HN 2025	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Điều kiện TA
					- Phương thức 3: Điểm thi Tốt nghiệp THPT năm 2025 Tổ hợp: 1) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Sinh học 2) Toán*2, Ngữ văn, Sinh học 3) Toán*2, Ngữ văn, Hóa học 4) Toán*2, Ngữ văn, Tin học 5) Toán*2, Ngữ văn, Công nghệ 6) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	
3	7620301	Nuôi trồng thủy sản (03 chuyên ngành: Công nghệ Nuôi trồng thủy sản; Quản lý sức khỏe động vật thủy sản, Quản lý Nuôi trồng thủy sản)	7620301	94	- Phương thức 1: Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy chế của BGD&ĐT - Phương thức 2: Điểm đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM và ĐHQG-HN 2025 - Phương thức 3: Điểm thi Tốt nghiệp THPT năm 2025 Tổ hợp: 1) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Sinh học 2) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Hóa học 3) Toán*2, Ngữ văn, Sinh học 4) Toán*2, Ngữ văn, Hóa học 5) Toán*2, Ngữ văn, Công nghệ 6) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	
4	7420201	Công nghệ sinh học	7420201	44	- Phương thức 1: Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy chế của BGD&ĐT - Phương thức 2: Điểm đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM và ĐHQG-HN 2025	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Điều kiện TA
					- Phương thức 3: Điểm thi Tốt nghiệp THPT năm 2025 Tổ hợp: 1) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Sinh học 2) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Hóa học 3) Toán*2, Ngữ văn, Sinh học 4) Toán*2, Ngữ văn, Hóa học 5) Toán*2, Ngữ văn, Công nghệ 6) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	
5	7540101	Công nghệ thực phẩm (02 chuyên ngành: Công nghệ thực phẩm; Dinh dưỡng và ẩm thực)	7540101	110	- Phương thức 1: Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy chế của BGD&ĐT	
					- Phương thức 2: Điểm đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM và ĐHQG-HN 2025	
					- Phương thức 3: Điểm thi Tốt nghiệp THPT năm 2025 Tổ hợp: 1) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Sinh học 2) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Hóa học 3) Toán*2, Ngữ văn, Sinh học 4) Toán*2, Ngữ văn, Hóa học 5) Toán*2, Ngữ văn, Công nghệ 6) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	
6	7540106	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm	7540106	30	- Phương thức 1: Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy chế của BGD&ĐT	
					- Phương thức 2: Điểm đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM và ĐHQG-HN 2025	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Điều kiện TA
					- Phương thức 3: Điểm thi Tốt nghiệp THPT năm 2025 Tổ hợp: 1) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Sinh học 2) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Hóa học 3) Toán*2, Ngữ văn, Sinh học 4) Toán*2, Ngữ văn, Hóa học 5) Toán*2, Ngữ văn, Công nghệ 6) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	
7	7540105	Công nghệ chế biến thủy sản (02 chuyên ngành: Công nghệ chế biến thủy sản; Công nghệ sau thu hoạch)	7540105	40	- Phương thức 1: Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy chế của BGD&ĐT - Phương thức 2: Điểm đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM và ĐHQG-HN 2025 - Phương thức 3: Điểm thi Tốt nghiệp THPT năm 2025 Tổ hợp: 1) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Sinh học 2) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Hóa học 3) Toán*2, Ngữ văn, Sinh học 4) Toán*2, Ngữ văn, Hóa học 5) Toán*2, Ngữ văn, Công nghệ 6) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	
2.2	Nhóm ngành Kỹ thuật và Công nghệ					
8	7520320	Kỹ thuật môi trường (02 chuyên ngành: Kỹ thuật môi trường; Quản lý môi trường)	7520320	55	- Phương thức 1: Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy chế của BGD&ĐT - Phương thức 2: Điểm đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM và ĐHQG-HN 2025	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Điều kiện TA
		<i>trường và an toàn vệ sinh lao động)</i>			- Phương thức 3: Điểm thi Tốt nghiệp THPT năm 2025 Tổ hợp: 1) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Sinh học 2) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Hóa học 3) Toán*2, Ngữ văn, Sinh học 4) Toán*2, Ngữ văn, Hóa học 5) Toán*2, Ngữ văn, Công nghệ 6) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	
9	7520301	Kỹ thuật hoá học	7520301	46	- Phương thức 1: Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy chế của BGD&ĐT - Phương thức 2: Điểm đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM và ĐHQG-HN 2025 - Phương thức 3: Điểm thi Tốt nghiệp THPT năm 2025 Tổ hợp: 1) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Hóa học 2) Toán*2, Ngữ văn, Hóa học 3) Toán*2, Ngữ văn, Sinh học 4) Toán*2, Ngữ văn, Công nghệ 5) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	
10	7520103	Kỹ thuật cơ khí (02 chuyên ngành: Kỹ thuật cơ khí; Thiết kế và chế tạo số)	7520103	118	- Phương thức 1: Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy chế của BGD&ĐT - Phương thức 2: Điểm đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM và ĐHQG-HN 2025	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Điều kiện TA
					- Phương thức 3: Điểm thi Tốt nghiệp THPT năm 2025 Tổ hợp: 1) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Vật lý 2) Toán*2, Ngữ văn, Vật lý 3) Toán*2, Ngữ văn, Tin học 4) Toán*2, Ngữ văn, Công nghệ 5) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	
11	7510202	Công nghệ chế tạo máy	7510202	40	- Phương thức 1: Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy chế của BGD&ĐT - Phương thức 2: Điểm đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM và ĐHQG-HN 2025 - Phương thức 3: Điểm thi Tốt nghiệp THPT năm 2025 Tổ hợp: 1) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Vật lý 2) Toán*2, Ngữ văn, Vật lý 3) Toán*2, Ngữ văn, Tin học 4) Toán*2, Ngữ văn, Công nghệ 5) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	
12	7520114	Kỹ thuật cơ điện tử (02 chuyên ngành: Kỹ thuật cơ điện tử; Hệ thống nhúng và IoT)	7520114	63	- Phương thức 1: Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy chế của BGD&ĐT - Phương thức 2: Điểm đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM và ĐHQG-HN 2025	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Điều kiện TA
					- Phương thức 3: Điểm thi Tốt nghiệp THPT năm 2025 Tổ hợp: 1) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Vật lý 2) Toán*2, Ngữ văn, Vật lý 3) Toán*2, Ngữ văn, Tin học 4) Toán*2, Ngữ văn, Công nghệ 5) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	
13	7520115	Kỹ thuật nhiệt (03 chuyên ngành: Kỹ thuật cơ điện lạnh, Điện lạnh, Cơ điện lạnh)	7520115	68	- Phương thức 1: Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy chế của BGD&ĐT - Phương thức 2: Điểm đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM và ĐHQG-HN 2025 - Phương thức 3: Điểm thi Tốt nghiệp THPT năm 2025 Tổ hợp: 1) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Vật lý 2) Toán*2, Ngữ văn, Vật lý 3) Toán*2, Ngữ văn, Tin học 4) Toán*2, Ngữ văn, Công nghệ 5) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	
14	7840106	Khoa học hàng hải (02 chuyên ngành: Khoa học hàng hải; Quản lý hàng hải và Logistics)	7840106	150	- Phương thức 1: Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy chế của BGD&ĐT - Phương thức 2: Điểm đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM và ĐHQG-HN 2025	X

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Điều kiện TA
					- Phương thức 3: Điểm thi Tốt nghiệp THPT năm 2025 Tổ hợp: 1) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Vật lý 2) Toán*2, Ngữ văn, Vật lý 3) Toán*2, Ngữ văn, Tin học 4) Toán*2, Ngữ văn, Công nghệ 5) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	
15	7520116	Kỹ thuật cơ khí động lực	7520116	38	- Phương thức 1: Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy chế của BGD&ĐT - Phương thức 2: Điểm đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM và ĐHQG-HN 2025 - Phương thức 3: Điểm thi Tốt nghiệp THPT năm 2025 Tổ hợp: 1) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Vật lý 2) Toán*2, Ngữ văn, Vật lý 3) Toán*2, Ngữ văn, Tin học 4) Toán*2, Ngữ văn, Công nghệ 5) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	
16	7520122	Kỹ thuật tàu thủy	7520122	46	- Phương thức 1: Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy chế của BGD&ĐT - Phương thức 2: Điểm đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM và ĐHQG-HN 2025	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Điều kiện TA
					- Phương thức 3: Điểm thi Tốt nghiệp THPT năm 2025 Tổ hợp: 1) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Vật lý 2) Toán*2, Ngữ văn, Vật lý 3) Toán*2, Ngữ văn, Tin học 4) Toán*2, Ngữ văn, Công nghệ 5) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	
17	7520206	Kỹ thuật biển	7520206	78	- Phương thức 1: Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy chế của BGD&ĐT - Phương thức 2: Điểm đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM và ĐHQG-HN 2025 - Phương thức 3: Điểm thi Tốt nghiệp THPT năm 2025 Tổ hợp: 1) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Vật lý 2) Toán*2, Ngữ văn, Vật lý 3) Toán*2, Ngữ văn, Tin học 4) Toán*2, Ngữ văn, Công nghệ 5) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	
18	7520130	Kỹ thuật ô tô	7520130	196	- Phương thức 1: Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy chế của BGD&ĐT - Phương thức 2: Điểm đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM và ĐHQG-HN 2025	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Điều kiện TA
					- Phương thức 3: Điểm thi Tốt nghiệp THPT năm 2025 Tổ hợp: 1) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Vật lý 2) Toán*2, Ngữ văn, Vật lý 3) Toán*2, Ngữ văn, Tin học 4) Toán*2, Ngữ văn, Công nghệ 5) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	
19	7520201	Kỹ thuật điện (<i>chuyên ngành Kỹ thuật điện, điện tử</i>)	7520201	89	- Phương thức 1: Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy chế của BGD&ĐT - Phương thức 2: Điểm đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM và ĐHQG-HN 2025 - Phương thức 3: Điểm thi Tốt nghiệp THPT năm 2025 Tổ hợp: 1) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Vật lý 2) Toán*2, Ngữ văn, Vật lý 3) Toán*2, Ngữ văn, Tin học 4) Toán*2, Ngữ văn, Công nghệ 5) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	
20	7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7520216	72	- Phương thức 1: Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy chế của BGD&ĐT - Phương thức 2: Điểm đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM và ĐHQG-HN 2025	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Điều kiện TA
					- Phương thức 3: Điểm thi Tốt nghiệp THPT năm 2025 Tổ hợp: 1) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Vật lý 2) Toán*2, Ngữ văn, Vật lý 3) Toán*2, Ngữ văn, Tin học 4) Toán*2, Ngữ văn, Công nghệ 5) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	
21	7580201	Kỹ thuật xây dựng (02 chuyên ngành: Kỹ thuật xây dựng; Quản lý xây dựng)	7580201	117	- Phương thức 1: Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy chế của BGD&ĐT - Phương thức 2: Điểm đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM và ĐHQG-HN 2025 - Phương thức 3: Điểm thi Tốt nghiệp THPT năm 2025 Tổ hợp: 1) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Vật lý 2) Toán*2, Ngữ văn, Vật lý 3) Toán*2, Ngữ văn, Tin học 4) Toán*2, Ngữ văn, Công nghệ 5) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	
22	7580205	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	7580205	70	- Phương thức 1: Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy chế của BGD&ĐT - Phương thức 2: Điểm đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM và ĐHQG-HN 2025	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Điều kiện TA
					- Phương thức 3: Điểm thi Tốt nghiệp THPT năm 2025 Tổ hợp: 1) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Vật lý 2) Toán*2, Ngữ văn, Vật lý 3) Toán*2, Ngữ văn, Tin học 4) Toán*2, Ngữ văn, Công nghệ 5) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	
23	7480201	Công nghệ thông tin (03 chuyên ngành: Công nghệ phần mềm; Hệ thống thông tin; Truyền thông và Mạng máy tính)	7480201	187	- Phương thức 1: Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy chế của BGD&ĐT - Phương thức 2: Điểm đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM và ĐHQG-HN 2025 - Phương thức 3: Điểm thi Tốt nghiệp THPT năm 2025 Tổ hợp: 1) Toán*2, Ngữ văn, Tin học 2) Toán*2, Ngữ văn, Vật lý 3) Toán*2, Ngữ văn, Công nghệ 4) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	X
24	7480101	Khoa học máy tính	7480101	81	- Phương thức 1: Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy chế của BGD&ĐT - Phương thức 2: Điểm đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM và ĐHQG-HN 2025	X

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Điều kiện TA
					- Phương thức 3: Điểm thi Tốt nghiệp THPT năm 2025 Tổ hợp: 1) Toán*2, Ngữ văn, Tin học 2) Toán*2, Ngữ văn, Vật lý 3) Toán*2, Ngữ văn, Công nghệ 4) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	
2.3	Nhóm ngành Kinh tế, Kinh doanh, Xã hội nhân văn					
25	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	7340405	110	- Phương thức 1: Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy chế của BGD&ĐT - Phương thức 2: Điểm đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM và ĐHQG-HN 2025 - Phương thức 3: Điểm thi Tốt nghiệp THPT năm 2025 Tổ hợp: 1) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh 2) Toán*2, Ngữ Văn, Giáo dục kinh tế và pháp luật 3) Toán*2, Ngữ văn, Tin học 4) Toán*2, Ngữ văn, Công nghệ	
26	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	100	- Phương thức 1: Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy chế của BGD&ĐT - Phương thức 2: Điểm đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM và ĐHQG-HN 2025	X

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Điều kiện TA
					- Phương thức 3: Điểm thi Tốt nghiệp THPT năm 2025 Tổ hợp: 1) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh 2) Toán*2, Ngữ Văn, Giáo dục kinh tế và pháp luật 3) Toán*2, Ngữ văn, Tin học 4) Toán*2, Ngữ văn, Lịch sử 5) Toán*2, Ngữ Văn, Địa lý	
27	7810201	Quản trị khách sạn	7810201	202	- Phương thức 1: Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy chế của BGD&ĐT - Phương thức 2: Điểm đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM và ĐHQG-HN 2025 - Phương thức 3: Điểm thi Tốt nghiệp THPT năm 2025 Tổ hợp: 1) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh 2) Toán*2, Ngữ Văn, Giáo dục kinh tế và pháp luật 3) Toán*2, Ngữ văn, Tin học 4) Toán*2, Ngữ văn, Lịch sử 5) Toán*2, Ngữ Văn, Địa lý	X
28	7340101	Quản trị kinh doanh	7340101	153	- Phương thức 1: Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy chế của BGD&ĐT - Phương thức 2: Điểm đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM và ĐHQG-HN 2025	X

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Điều kiện TA
					- Phương thức 3: Điểm thi Tốt nghiệp THPT năm 2025 Tổ hợp: 1) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh 2) Toán*2, Ngữ Văn, Giáo dục kinh tế và pháp luật 3) Toán*2, Ngữ văn, Tin học 4) Toán*2, Ngữ Văn, Địa lý	
29	7340115	Marketing	7340115	192	- Phương thức 1: Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy chế của BGD&ĐT - Phương thức 2: Điểm đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM và ĐHQG-HN 2025 - Phương thức 3: Điểm thi Tốt nghiệp THPT năm 2025 Tổ hợp: 1) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh 2) Toán*2, Ngữ Văn, Giáo dục kinh tế và pháp luật 3) Toán*2, Ngữ văn, Tin học 4) Toán*2, Ngữ Văn, Địa lý	X
30	7340121	Kinh doanh thương mại	7340121	114	- Phương thức 1: Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy chế của BGD&ĐT - Phương thức 2: Điểm đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM và ĐHQG-HN 2025 - Phương thức 3: Điểm thi Tốt nghiệp THPT năm 2025 Tổ hợp: 1) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh 2) Toán*2, Ngữ Văn, Giáo dục kinh tế và pháp luật 3) Toán*2, Ngữ văn, Tin học 4) Toán*2, Ngữ Văn, Địa lý	X

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Điều kiện TA
31	7340201	Tài chính - Ngân hàng (02 chuyên ngành: Tài chính - Ngân hàng; Công nghệ tài chính)	7340201	118	- Phương thức 1: Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy chế của BGD&ĐT	X
					- Phương thức 2: Điểm đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM và ĐHQG-HN 2025	
					- Phương thức 3: Điểm thi Tốt nghiệp THPT năm 2025 Tổ hợp: 1) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh 2) Toán*2, Ngữ Văn, Giáo dục kinh tế và pháp luật 3) Toán*2, Ngữ văn, Tin học 4) Toán*2, Ngữ Văn, Địa lý	
32	7340301	Kế toán	7340301	158	- Phương thức 1: Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy chế của BGD&ĐT	X
					- Phương thức 2: Điểm đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM và ĐHQG-HN 2025	
					- Phương thức 3: Điểm thi Tốt nghiệp THPT năm 2025 Tổ hợp: 1) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh 2) Toán*2, Ngữ Văn, Giáo dục kinh tế và pháp luật 3) Toán*2, Ngữ văn, Tin học 4) Toán*2, Ngữ Văn, Địa lý	
33	7340302	Kiểm toán	7340302	98	- Phương thức 1: Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy chế của BGD&ĐT	X
					- Phương thức 2: Điểm đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM và ĐHQG-HN 2025	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Điều kiện TA
					- Phương thức 3: Điểm thi Tốt nghiệp THPT năm 2025 Tổ hợp: 1) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh 2) Toán*2, Ngữ Văn, Giáo dục kinh tế và pháp luật 3) Toán*2, Ngữ văn, Tin học 4) Toán*2, Ngữ Văn, Địa lý	
34	7310101	Kinh tế (02 chuyên ngành: <i>Kinh tế thủy sản; Quản lý kinh tế</i>)	7310101	92	- Phương thức 1: Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy chế của BGD&ĐT	
					- Phương thức 2: Điểm đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM và ĐHQG-HN 2025	
					- Phương thức 3: Điểm thi Tốt nghiệp THPT năm 2025 Tổ hợp: 1) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh 2) Toán*2, Ngữ Văn, Giáo dục kinh tế và pháp luật 3) Toán*2, Ngữ văn, Tin học 4) Toán*2, Ngữ Văn, Địa lý	
35	7310105	Kinh tế phát triển	7310105	122	- Phương thức 1: Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy chế của BGD&ĐT	
					- Phương thức 2: Điểm đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM và ĐHQG-HN 2025	
					- Phương thức 3: Điểm thi Tốt nghiệp THPT năm 2025 Tổ hợp: 1) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh 2) Toán*2, Ngữ Văn, Giáo dục kinh tế và pháp luật 3) Toán*2, Ngữ văn, Tin học 4) Toán*2, Ngữ Văn, Địa lý	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Điều kiện TA
36	7380101	Luật (02 chuyên ngành: Luật; Luật kinh tế)	7380101	152	- Phương thức 1: Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy chế của BGD&ĐT	
					- Phương thức 2: Điểm đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM và ĐHQG-HN 2025	
					- Phương thức 3: Điểm thi Tốt nghiệp THPT năm 2025 Tổ hợp: 1) Toán, Ngữ văn*2, Tiếng Anh 2) Toán, Ngữ văn*2, Giáo dục kinh tế và pháp luật 3) Toán, Ngữ văn*2, Lịch sử 4) Toán, Ngữ văn*2, Địa lý	
37	7220201	Ngôn ngữ Anh (04 chuyên ngành: Biên - phiên dịch; Tiếng Anh du lịch; Giảng dạy tiếng Anh; Song ngữ Anh - Trung)	7220201	256	- Phương thức 1: Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy chế của BGD&ĐT	X
					- Phương thức 2: Điểm đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM và ĐHQG-HN 2025	
					- Phương thức 3: Điểm thi Tốt nghiệp THPT năm 2025 Tổ hợp: 1) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh*2 2) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Giáo dục kinh tế và pháp luật 3) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Lịch sử 4) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Địa lý	

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

Quy định về chứng chỉ tiếng Anh quốc tế khi xét tuyển

a. Đối với phương thức tuyển sinh dựa vào Điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025 (PT3)

Thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế (IELTS) có thể sử dụng một trong hai lựa chọn:

► **Lựa chọn 1:** Quy đổi thành điểm môn tiếng Anh

Áp dụng cho thí sinh sử dụng chứng chỉ để miễn thi tốt nghiệp THPT môn tiếng Anh theo quy định tại Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông hiện hành. Điểm quy đổi sẽ được tính vào tổ hợp xét tuyển có môn tiếng Anh.

► **Lựa chọn 2:** Được khuyến khích Điểm cộng

Thí sinh có thể sử dụng chứng chỉ để được cộng điểm vào tổng điểm xét tuyển.

Chi tiết về quy đổi thành điểm môn tiếng Anh và điểm cộng trong xét tuyển được quy định tại Bảng 2.

Bảng 2: Quy định về quy đổi điểm chứng chỉ IELTS (Academic) thành điểm môn tiếng Anh và điểm cộng trong xét tuyển

TT	Điểm IELTS	Điểm quy đổi sang môn tiếng Anh	Điểm cộng khi xét tuyển (Thang điểm 40)
1	4.0	6.0	0.8
2	4.5	7.0	1.6
3	5.0	8.0	2.4
4	5.5	9.0	3.2
5	≥ 6.0	10.0	4.0

b. Đối với phương thức tuyển sinh dựa vào Điểm đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM, ĐHQG-HN năm 2025 (PT2)

Bảng 3. Quy định về điểm cộng đối với thí sinh có chứng chỉ IELTS (Academic)

TT	Điểm IELTS	Điểm cộng khi xét tuyển bằng	
		Điểm ĐGNL ĐHQG-HCM (Thang điểm 1200)	Điểm ĐGNL ĐHQG-HN (Thang điểm 150)
1	4.0	24.0	3.0
2	4.5	48.0	6.0
3	5.0	72.0	9.0
4	5.5	96.0	12.0
5	≥ 6.0	120.0	15.0

6. Tổ chức tuyển sinh

6.1. Tổ chức sơ tuyển

Sử dụng Kết quả học tập ở cấp THPT (Điểm học bạ) trong 6 học kỳ của nhóm môn học được thể hiện ở cột (4) trong **Bảng 4** dưới đây đối với từng chương trình đào tạo.

- Thời gian sơ tuyển: 04/2025 – 05/2025

- Cách thức sơ tuyển: Thí sinh truy cập vào hệ thống đăng ký của Trường ĐHNT theo địa chỉ: <https://xettuyen.ntu.edu.vn/>

Lưu ý: Thí sinh chỉ cần nhập thông tin cá nhân và điểm các môn học của 5 học kỳ đầu đã có kết quả, bổ sung điểm môn học của học kỳ 6 sau khi có kết quả.

6.2. Thực hiện đăng ký xét tuyển theo các phương thức

Thí sinh có thể sử dụng một hoặc đồng thời các phương thức xét tuyển vào 1 ngành/chương trình đào tạo. Trường ĐHNT sử dụng các phương thức xét tuyển sau:

Mã phương thức	Phương thức xét tuyển	Thang điểm xét tuyển	Ghi chú
PT1	Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy chế của Bộ GD&ĐT		
PT2	Xét tuyển dựa vào Điểm đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM và Điểm đánh giá năng lực của ĐHQG-Hà Nội năm 2025	- Thang điểm 1200 của ĐHQG-HCM; - Thang điểm 150 của ĐHQG-HN	Áp dụng điều kiện tiếng Anh ở một số ngành đào tạo;
PT3	Xét tuyển dựa vào Điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025	Thang điểm 40	Thực hiện quy đổi tương đương theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT

Lưu ý: Đối với phương thức 3 (PT3), tổ chức tuyển sinh các ngành/chương trình đào tạo theo tổ hợp xét tuyển chi tiết ở cột (5) trong **Bảng 4** dưới đây.

a. Thời gian đăng ký: Theo kế hoạch tuyển sinh chung của Bộ GD&ĐT

b. Cách thức xét tuyển: Thí sinh truy cập vào hệ thống đăng ký xét tuyển trực tuyến của Bộ GD&ĐT theo địa chỉ: <https://thisinh.thithptquocgia.edu.vn/>

c. Đối với xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy chế của Bộ GD&ĐT.

Thực hiện theo thời gian và cách thức xét tuyển theo kế hoạch tuyển sinh chung của Bộ GD&ĐT.

Bảng 4. Danh mục chương trình/ngành đào tạo, môn học sơ tuyển và xét tuyển

TT	Mã xét tuyển	Chương trình/ ngành đào tạo	Môn học để sơ tuyển	Tổ hợp xét tuyển bằng Điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025	Điều kiện tiếng Anh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẶC BIỆT				
1	7480201 A	Công nghệ thông tin (<i>chương trình đào tạo đặc biệt</i>)	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	1) Toán*2, Ngữ văn, Tin học 2) Toán*2, Ngữ văn, Vật lý 3) Toán*2, Ngữ văn, Công nghệ 4) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	X
2	7480201 B	Công nghệ thông tin Việt - Nhật	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	1) Toán*2, Ngữ văn, Tin học 2) Toán*2, Ngữ văn, Vật lý 3) Toán*2, Ngữ văn, Công nghệ 4) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	X
3	7340301 A	Kế toán (<i>chương trình đào tạo đặc biệt</i>)	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	1) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh 2) Toán*2, Ngữ Văn, Giáo dục kinh tế và pháp luật 3) Toán*2, Ngữ văn, Tin học	X
4	7340201 A	Tài chính - Ngân hàng (<i>chương trình đào tạo đặc biệt</i>)	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	1) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh 2) Toán*2, Ngữ Văn, Giáo dục kinh tế và pháp luật 3) Toán*2, Ngữ văn, Tin học	X
5	7340101 A	Quản trị kinh doanh (<i>chương trình đào tạo đặc biệt: Quản trị kinh doanh tổng hợp; Quản trị kinh doanh quốc tế</i>)	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	1) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh 2) Toán*2, Ngữ Văn, Giáo dục kinh tế và pháp luật 3) Toán*2, Ngữ văn, Tin học	X
6	7810201 A	Quản trị khách sạn (<i>chương trình đào tạo đặc biệt</i>)	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	1) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh 2) Toán*2, Ngữ Văn, Giáo dục kinh tế và pháp luật 3) Toán*2, Ngữ văn, Lịch sử 4) Toán*2, Ngữ Văn, Địa lý	X
7	7810103 A	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (<i>chương trình đào tạo đặc biệt</i>)	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	1) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh 2) Toán*2, Ngữ Văn, Giáo dục kinh tế và pháp luật 3) Toán*2, Ngữ văn, Lịch sử 4) Toán*2, Ngữ Văn, Địa lý	X
8	7810103 P	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (<i>chương trình song ngữ Pháp – Việt</i>)	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh/Tiếng Pháp	1) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh 2) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Pháp 3) Toán*2, Ngữ Văn, Giáo dục kinh tế và pháp luật 4) Toán*2, Ngữ văn, Lịch sử 5) Toán*2, Ngữ Văn, Địa lý	

TT	Mã xét tuyển	Chương trình/ ngành đào tạo	Môn học để sơ tuyển	Tổ hợp xét tuyển bằng Điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025	Điều kiện tiếng Anh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
9	7540105 HV	Công nghệ chế biến thủy sản (<i>chương Hải Vương - NTU</i>)	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Sinh học, Hóa học	1) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Sinh học 2) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Hóa học 3) Toán*2, Ngữ văn, Sinh học 4) Toán*2, Ngữ văn, Hóa học 5) Toán*2, Ngữ văn, Công nghệ 6) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	X
10	7540105 MP	Công nghệ chế biến thủy sản (<i>chương trình Minh Phú - NTU</i>)	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Sinh học, Hóa học	1) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Sinh học 2) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Hóa học 3) Toán*2, Ngữ văn, Sinh học 4) Toán*2, Ngữ văn, Hóa học 5) Toán*2, Ngữ văn, Công nghệ 6) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	X
11	7620301 MP	Nuôi trồng thủy sản (<i>chương trình Minh Phú - NTU</i>)	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Sinh học, Hóa học	1) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Sinh học 2) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Hóa học 3) Toán*2, Ngữ văn, Sinh học 4) Toán*2, Ngữ văn, Hóa học 5) Toán*2, Ngữ văn, Công nghệ 6) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	X
12	7420201 MP	Công nghệ sinh học (<i>chương trình Minh Phú - NTU</i>)	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Sinh học, Hóa học	1) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Sinh học 2) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Hóa học 3) Toán*2, Ngữ văn, Sinh học 4) Toán*2, Ngữ văn, Hóa học 5) Toán*2, Ngữ văn, Công nghệ 6) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	X
13	7520103 MP	Cơ khí thủy sản thông minh (<i>chương trình Minh Phú - NTU</i>)	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Vật lý	1) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Vật lý 2) Toán*2, Ngữ văn, Vật lý 3) Toán*2, Ngữ văn, Tin học 4) Toán*2, Ngữ văn, Công nghệ 5) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	X
II CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN					
2.1 Nhóm ngành Thủy sản, Sinh học và Thực phẩm					
1	7620303	Khoa học thủy sản (<i>02 chuyên ngành: Khai thác thủy sản, Khoa học thủy sản</i>)	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Sinh học	1) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Sinh học 2) Toán*2, Ngữ văn, Sinh học 3) Toán*2, Ngữ văn, Hóa học 4) Toán*2, Ngữ văn, Tin học 5) Toán*2, Ngữ văn, Công nghệ 6) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	

TT	Mã xét tuyển	Chương trình/ ngành đào tạo	Môn học để sơ tuyển	Tổ hợp xét tuyển bằng Điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025	Điều kiện tiếng Anh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
2	7620305	Quản lý thủy sản	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Sinh học	1) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Sinh học 2) Toán*2, Ngữ văn, Sinh học 3) Toán*2, Ngữ văn, Hóa học 4) Toán*2, Ngữ văn, Tin học 5) Toán*2, Ngữ văn, Công nghệ 6) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	
3	7620301	Nuôi trồng thủy sản (03 chuyên ngành: <i>Công nghệ Nuôi trồng thủy sản; Quản lý sức khỏe động vật thủy sản, Quản lý Nuôi trồng thủy sản</i>)	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Sinh học, Hóa học	1) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Sinh học 2) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Hóa học 3) Toán*2, Ngữ văn, Sinh học 4) Toán*2, Ngữ văn, Hóa học 5) Toán*2, Ngữ văn, Công nghệ 6) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	
4	7420201	Công nghệ sinh học	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Sinh học, Hóa học	1) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Sinh học 2) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Hóa học 3) Toán*2, Ngữ văn, Sinh học 4) Toán*2, Ngữ văn, Hóa học 5) Toán*2, Ngữ văn, Công nghệ 6) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	
5	7540101	Công nghệ thực phẩm (02 chuyên ngành: <i>Công nghệ thực phẩm; Dinh dưỡng và ẩm thực</i>)	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Sinh học, Hóa học	1) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Sinh học 2) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Hóa học 3) Toán*2, Ngữ văn, Sinh học 4) Toán*2, Ngữ văn, Hóa học 5) Toán*2, Ngữ văn, Công nghệ 6) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	
6	7540106	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Sinh học, Hóa học	1) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Sinh học 2) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Hóa học 3) Toán*2, Ngữ văn, Sinh học 4) Toán*2, Ngữ văn, Hóa học 5) Toán*2, Ngữ văn, Công nghệ 6) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	
7	7540105	Công nghệ chế biến thủy sản (02 chuyên ngành: <i>Công nghệ chế biến thủy sản; Công nghệ sau thu hoạch</i>)	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Sinh học, Hóa học	1) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Sinh học 2) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Hóa học 3) Toán*2, Ngữ văn, Sinh học 4) Toán*2, Ngữ văn, Hóa học 5) Toán*2, Ngữ văn, Công nghệ 6) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	

TT	Mã xét tuyển	Chương trình/ ngành đào tạo	Môn học để sơ tuyển	Tổ hợp xét tuyển bằng Điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025	Điều kiện tiếng Anh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
2.2	Nhóm ngành Kỹ thuật và Công nghệ				
8	7520320	Kỹ thuật môi trường (02 chuyên ngành: <i>Kỹ thuật môi trường; Quản lý môi trường và an toàn vệ sinh lao động</i>)	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Sinh học, Hóa học	1) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Sinh học 2) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Hóa học 3) Toán*2, Ngữ văn, Sinh học 4) Toán*2, Ngữ văn, Hóa học 5) Toán*2, Ngữ văn, Công nghệ 6) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	
9	7520301	Kỹ thuật hoá học	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Hóa học	1) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Hóa học 2) Toán*2, Ngữ văn, Hóa học 3) Toán*2, Ngữ văn, Sinh học 4) Toán*2, Ngữ văn, Công nghệ 5) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	
10	7520103	Kỹ thuật cơ khí (02 chuyên ngành: <i>Kỹ thuật cơ khí; Thiết kế và chế tạo số</i>)	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Vật lý	1) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Vật lý 2) Toán*2, Ngữ văn, Vật lý 3) Toán*2, Ngữ văn, Tin học 4) Toán*2, Ngữ văn, Công nghệ 5) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	
11	7510202	Công nghệ chế tạo máy	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Vật lý	1) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Vật lý 2) Toán*2, Ngữ văn, Vật lý 3) Toán*2, Ngữ văn, Tin học 4) Toán*2, Ngữ văn, Công nghệ 5) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	
12	7520114	Kỹ thuật cơ điện tử (02 chuyên ngành: <i>Kỹ thuật cơ điện tử; Hệ thống nhúng và IoT</i>)	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Vật lý	1) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Vật lý 2) Toán*2, Ngữ văn, Vật lý 3) Toán*2, Ngữ văn, Tin học 4) Toán*2, Ngữ văn, Công nghệ 5) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	
13	7520115	Kỹ thuật nhiệt (03 chuyên ngành: <i>Kỹ thuật cơ điện lạnh, Điện lạnh, Cơ điện lạnh</i>)	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Vật lý	1) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Vật lý 2) Toán*2, Ngữ văn, Vật lý 3) Toán*2, Ngữ văn, Tin học 4) Toán*2, Ngữ văn, Công nghệ 5) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	
14	7840106	Khoa học hàng hải (02 chuyên ngành: <i>Khoa học hàng hải; Quản lý hàng hải và Logistics</i>)	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Vật lý	1) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Vật lý 2) Toán*2, Ngữ văn, Vật lý 3) Toán*2, Ngữ văn, Tin học 4) Toán*2, Ngữ văn, Công nghệ 5) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	X

TT	Mã xét tuyển	Chương trình/ ngành đào tạo	Môn học để sơ tuyển	Tổ hợp xét tuyển bằng Điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025	Điều kiện tiếng Anh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
15	7520116	Kỹ thuật cơ khí động lực	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Vật lý	1) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Vật lý 2) Toán*2, Ngữ văn, Vật lý 3) Toán*2, Ngữ văn, Tin học 4) Toán*2, Ngữ văn, Công nghệ 5) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	
16	7520122	Kỹ thuật tàu thủy	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Vật lý	1) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Vật lý 2) Toán*2, Ngữ văn, Vật lý 3) Toán*2, Ngữ văn, Tin học 4) Toán*2, Ngữ văn, Công nghệ 5) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	
17	7520206	Kỹ thuật biển	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Vật lý	1) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Vật lý 2) Toán*2, Ngữ văn, Vật lý 3) Toán*2, Ngữ văn, Tin học 4) Toán*2, Ngữ văn, Công nghệ 5) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	
18	7520130	Kỹ thuật ô tô	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Vật lý	1) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Vật lý 2) Toán*2, Ngữ văn, Vật lý 3) Toán*2, Ngữ văn, Tin học 4) Toán*2, Ngữ văn, Công nghệ 5) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	
19	7520201	Kỹ thuật điện (<i>chuyên ngành Kỹ thuật điện, điện tử</i>)	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Vật lý	1) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Vật lý 2) Toán*2, Ngữ văn, Vật lý 3) Toán*2, Ngữ văn, Tin học 4) Toán*2, Ngữ văn, Công nghệ 5) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	
20	7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Vật lý	1) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Vật lý 2) Toán*2, Ngữ văn, Vật lý 3) Toán*2, Ngữ văn, Tin học 4) Toán*2, Ngữ văn, Công nghệ 5) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	
21	7580201	Kỹ thuật xây dựng (<i>02 chuyên ngành: Kỹ thuật xây dựng; Quản lý xây dựng</i>)	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Vật lý	1) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Vật lý 2) Toán*2, Ngữ văn, Vật lý 3) Toán*2, Ngữ văn, Tin học 4) Toán*2, Ngữ văn, Công nghệ 5) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	

TT	Mã xét tuyển	Chương trình/ ngành đào tạo	Môn học để sơ tuyển	Tổ hợp xét tuyển bằng Điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025	Điều kiện tiếng Anh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
22	7580205	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Vật lý	1) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Vật lý 2) Toán*2, Ngữ văn, Vật lý 3) Toán*2, Ngữ văn, Tin học 4) Toán*2, Ngữ văn, Công nghệ 5) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	
23	7480201	Công nghệ thông tin (03 chuyên ngành: <i>Công nghệ phần mềm; Hệ thống thông tin; Truyền thông và Mạng máy tính</i>)	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh,	1) Toán*2, Ngữ văn, Tin học 2) Toán*2, Ngữ văn, Vật lý 3) Toán*2, Ngữ văn, Công nghệ 4) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	X
24	7480101	Khoa học máy tính	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	1) Toán*2, Ngữ văn, Tin học 2) Toán*2, Ngữ văn, Vật lý 3) Toán*2, Ngữ văn, Công nghệ 4) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	X
2.3 Nhóm ngành Kinh tế, Kinh doanh, Xã hội nhân văn					
25	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	1) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh 2) Toán*2, Ngữ Văn, Giáo dục kinh tế và pháp luật 3) Toán*2, Ngữ văn, Tin học 4) Toán*2, Ngữ văn, Công nghệ	
26	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	1) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh 2) Toán*2, Ngữ Văn, Giáo dục kinh tế và pháp luật 3) Toán*2, Ngữ văn, Tin học 4) Toán*2, Ngữ văn, Lịch sử 5) Toán*2, Ngữ Văn, Địa lý	X
27	7810201	Quản trị khách sạn	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	1) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh 2) Toán*2, Ngữ Văn, Giáo dục kinh tế và pháp luật 3) Toán*2, Ngữ văn, Tin học 4) Toán*2, Ngữ văn, Lịch sử 5) Toán*2, Ngữ Văn, Địa lý	X
28	7340101	Quản trị kinh doanh	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	1) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh 2) Toán*2, Ngữ Văn, Giáo dục kinh tế và pháp luật 3) Toán*2, Ngữ văn, Tin học 4) Toán*2, Ngữ Văn, Địa lý	X

TT	Mã xét tuyển	Chương trình/ ngành đào tạo	Môn học để sơ tuyển	Tổ hợp xét tuyển bằng Điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025	Điều kiện tiếng Anh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
29	7340115	Marketing	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	1) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh 2) Toán*2, Ngữ Văn, Giáo dục kinh tế và pháp luật 3) Toán*2, Ngữ văn, Tin học 4) Toán*2, Ngữ Văn, Địa lý	X
30	7340121	Kinh doanh thương mại	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	1) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh 2) Toán*2, Ngữ Văn, Giáo dục kinh tế và pháp luật 3) Toán*2, Ngữ văn, Tin học 4) Toán*2, Ngữ Văn, Địa lý	X
31	7340201	Tài chính - Ngân hàng (02 chuyên ngành: Tài chính - Ngân hàng; Công nghệ tài chính)	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	1) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh 2) Toán*2, Ngữ Văn, Giáo dục kinh tế và pháp luật 3) Toán*2, Ngữ văn, Tin học 4) Toán*2, Ngữ Văn, Địa lý	X
32	7340301	Kế toán	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	1) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh 2) Toán*2, Ngữ Văn, Giáo dục kinh tế và pháp luật 3) Toán*2, Ngữ văn, Tin học 4) Toán*2, Ngữ Văn, Địa lý	X
33	7340302	Kiểm toán	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	1) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh 2) Toán*2, Ngữ Văn, Giáo dục kinh tế và pháp luật 3) Toán*2, Ngữ văn, Tin học 4) Toán*2, Ngữ Văn, Địa lý	X
34	7310101	Kinh tế (02 chuyên ngành: Kinh tế thủy sản; Quản lý kinh tế)	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	1) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh 2) Toán*2, Ngữ Văn, Giáo dục kinh tế và pháp luật 3) Toán*2, Ngữ văn, Tin học 4) Toán*2, Ngữ Văn, Địa lý	
35	7310105	Kinh tế phát triển	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	1) Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh 2) Toán*2, Ngữ Văn, Giáo dục kinh tế và pháp luật 3) Toán*2, Ngữ văn, Tin học 4) Toán*2, Ngữ Văn, Địa lý	

TT	Mã xét tuyển	Chương trình/ ngành đào tạo	Môn học để sơ tuyển	Tổ hợp xét tuyển bằng Điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025	Điều kiện tiếng Anh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
36	7380101	Luật (02 chuyên ngành: Luật; Luật kinh tế)	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	1) Toán, Ngữ văn*2, Tiếng Anh 2) Toán, Ngữ văn*2, Giáo dục kinh tế và pháp luật 3) Toán, Ngữ văn*2, Lịch sử 4) Toán, Ngữ văn*2, Địa lý	
37	7220201	Ngôn ngữ Anh (04 chuyên ngành: Biên - phiên dịch; Tiếng Anh du lịch; Giảng dạy tiếng Anh; Song ngữ Anh - Trung)	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	1) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh*2 2) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Giáo dục kinh tế và pháp luật 3) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Lịch sử 4) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Địa lý	X

Lưu ý: Đối với Điều kiện tiếng Anh, Trường ĐHNT lựa chọn 1 trong 2 loại điểm:

- Điểm thi tốt nghiệp THPT môn tiếng Anh năm 2025; hoặc
- Điểm học bạ môn tiếng Anh (điểm trung bình chung của 6 học kỳ).

7. Chính sách ưu tiên

Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển.

- Miễn phí 100% ở KTX cho sinh viên theo học ở các chương trình theo đặt hàng đào tạo của Tập đoàn Minh Phú và Tập đoàn Hải Vương, bao gồm:

TT	Mã xét tuyển	Chương trình đào tạo
1	7540105HV	Công nghệ chế biến thủy sản (chương trình Hải Vương - NTU)
2	7540105MP	Công nghệ chế biến thủy sản (chương trình Minh Phú - NTU)
3	7620301MP	Nuôi trồng thủy sản (chương trình Minh Phú - NTU)
4	7420201MP	Công nghệ sinh học (chương trình Minh Phú - NTU)
5	7520103MP	Cơ khí thủy sản thông minh (chương trình Minh Phú - NTU)

- Miễn phí 100% ở KTX cho sinh viên gia đình nghèo, hoàn cảnh khó khăn và học tập tốt ở tất cả các ngành (KTX khuyến học);
- Nhiều chính sách học bổng, khen thưởng đối với thủ khoa, á khoa toàn trường và các ngành đào tạo.

8. Lệ phí xét tuyển, thi tuyển

Lệ phí xét tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT và của Trường.

11. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất

TT	Mã xét tuyển	Tên nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2024			Năm 2023			Ghi chú
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	
1	7340101 7340101A	Kinh doanh và quản lý	7340101	Quản trị kinh doanh	Điểm thi TN THPT	229	188	21,0	208	211	20.5	
2	7340115		7340115	Marketing	Điểm thi TN THPT	290	205	23,0	152	203	23.0	
3	7340121		7340121	Kinh doanh thương mại	Điểm thi TN THPT	185	186	22,0	132	225	23.0	
4	7340201		7340201	Tài chính - Ngân hàng (02 chuyên ngành: Tài chính - Ngân hàng; Công nghệ tài chính)	Điểm thi TN THPT	152	210	21,0	163	220	20.5	
5	7340301 7340301A		7340301	Kế toán	Điểm thi TN THPT	256	201	20,0	204	249	21.0	
6	7340202		7340202	Kiểm toán	Điểm thi TN THPT	33	58	20,0	-	-	-	
7	7340405		7340405	Hệ thống thông tin quản lý	Điểm thi TN THPT	113	98	17,0	70	100	18.0	
8	7380101	Pháp luật	7380101	Luật (02 chuyên ngành: Luật; Luật kinh tế)	Điểm thi TN THPT	169	163	21,0	150	143	19.0	
9	7420201	Khoa học sự sống	7420201	Công nghệ sinh học	Điểm thi TN THPT	55	63	16,0	40	24	16.0	

TT	Mã xét tuyển	Tên nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2024			Năm 2023			Ghi chú
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	
10	7480101	Máy tính và công nghệ thông tin	7480101	Khoa học máy tính (02 chuyên ngành: Trí tuệ nhân tạo; Khoa học dữ liệu)	Điểm thi TN THPT	42	51	20,0	-	-	-	
11	7480201 7480201A		7480201	Công nghệ thông tin (03 chuyên ngành: Công nghệ phần mềm; Hệ thống thông tin; Truyền thông và Mạng máy tính)	Điểm thi TN THPT	243	220	21,0	267	298	21.0	
12	7510202	Công nghệ kỹ thuật	7510202	Công nghệ chế tạo máy	Điểm thi TN THPT	57	73	16,0	50	35	16.0	
13	7520103	Kỹ thuật	7520103	Kỹ thuật cơ khí (02 chuyên ngành: Kỹ thuật cơ khí; Thiết kế và chế tạo số)	Điểm thi TN THPT	101	167	17,5	100	95	17.0	
14	7520114		7520114	Kỹ thuật cơ điện tử	Điểm thi TN THPT	92	119	17,0	90	84	16.5	
15	7520115		7520115	Kỹ thuật nhiệt (03 chuyên ngành: Kỹ thuật cơ điện lạnh, Điện lạnh, Cơ điện lạnh)	Điểm thi TN THPT	75	117	17,0	60	49	16.0	

TT	Mã xét tuyển	Tên nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2024			Năm 2023			Ghi chú
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	
16	7520116		7520116	Kỹ thuật cơ khí động lực	Điểm thi TN THPT	50	46	16,5	40	26	16.0	
17	7520122		7520122	Kỹ thuật tàu thủy	Điểm thi TN THPT	50	96	16,5	50	44	16.0	
18	7520130		7520130	Kỹ thuật ô tô	Điểm thi TN THPT	160	172	21,0	210	208	20.0	
19	7520201		7520201	Kỹ thuật điện (<i>chuyên ngành Kỹ thuật điện, điện tử</i>)	Điểm thi TN THPT	129	174	18,5	131	135	18.0	
20	7520206		7520206	Kỹ thuật biển	Điểm thi TN THPT	32	5	16,5	-	-	-	
21	7520216		7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Điểm thi TN THPT	59	87	17,0	50	40	16.0	
22	7520301		7520301	Kỹ thuật hóa học	Điểm thi TN THPT	67	28	16,0	30	21	16.0	
23	7520320		7520320	Kỹ thuật môi trường (<i>02 chuyên ngành: Kỹ thuật môi trường; Quản lý môi trường và an toàn vệ sinh lao động</i>)	Điểm thi TN THPT	48	29	16,0	30	17	16.0	
24	7540101		7540101	Công nghệ thực phẩm (<i>03 chuyên ngành: Công nghệ thực phẩm; Đảm bảo chất lượng và</i>	Điểm thi TN THPT	135	149	17,5	150	117	17.0	

TT	Mã xét tuyển	Tên nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2024			Năm 2023			Ghi chú
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	
		Sản xuất và chế biến		<i>an toàn thực phẩm; Dinh dưỡng và ẩm thực)</i>								
25	7540105 7540105MP		7540105	Công nghệ chế biến thủy sản (02 chuyên ngành: Công nghệ chế biến thủy sản; Công nghệ sau thu hoạch)	Điểm thi TN THPT	145	79	16,0	100	72	16.0	
26	7580201	Kiến trúc và xây dựng	7580201	Kỹ thuật xây dựng (02 chuyên ngành: Kỹ thuật xây dựng; Quản lý xây dựng)	Điểm thi TN THPT	100	124	17,0	110	104	17.0	
27	7580205		7580205	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Điểm thi TN THPT	88	41	16,0	50	14	16.0	
28	7620301 7620301MP	Nông lâm nghiệp và thủy sản	7620301	Nuôi trồng thủy sản (03 chuyên ngành: Công nghệ Nuôi trồng thủy sản; Quản lý sức khỏe động vật thủy sản, Quản lý Nuôi trồng thủy sản)	Điểm thi TN THPT	153	99	16,0	150	130	16.0	

TT	Mã xét tuyển	Tên nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2024			Năm 2023			Ghi chú
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	
29	7620303		7620303	Khoa học thủy sản (02 chuyên ngành: <i>Khai thác thủy sản, Khoa học thủy sản</i>)	Điểm thi TN THPT	77	24	16,0	30	11	16.0	
30	7620305		7620305	Quản lý thủy sản	Điểm thi TN THPT	36	31	16,0	40	23	16.0	
31	7220201	Nhân văn	7220201	Ngôn ngữ Anh (04 chuyên ngành: <i>Biên - phiên dịch; tiếng Anh du lịch; Giảng dạy tiếng Anh; Song ngữ Anh - Trung</i>)	Điểm thi TN THPT	239	258	23,0	230	229	23.0	
32	7310101	Khoa học xã hội và hành vi	7310101	Kinh tế (02 chuyên ngành: <i>Kinh tế thủy sản; Quản lý kinh tế</i>)	Điểm thi TN THPT	82	114	21,0	90	96	18.0	
33	7310105		7310105	Kinh tế phát triển	Điểm thi TN THPT	82	123	21,0	110	110	20.0	
34	7810103 7810103P	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Điểm thi TN THPT	184	273	21,0	199	260	21.0	
35	7810201 7810201A		7810201	Quản trị khách sạn	Điểm thi TN THPT	330	268	21,0	284	244	22.0	

TT	Mã xét tuyển	Tên nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2024			Năm 2023			Ghi chú
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	
36	7840106	Dịch vụ vận tải	7840106	Khoa học hàng hải (02 chuyên ngành: Khoa học hàng hải; Quản lý hàng hải và Logistics)	Điểm thi TN THPT	179	129	21,0	180	163	20.5	

• Thông tin chi tiết được cung cấp và liên tục cập nhật tại:

- Fanpage: <https://www.facebook.com/tuyensinhdhnt>
- Website: <https://tuyensinh.ntu.edu.vn/>
- ĐT: 0258.3831148; 0258.2212579.
- Email: tuyensinh@ntu.edu.vn

Cán bộ tuyển sinh

(Ghi rõ họ tên, số điện thoại liên hệ, địa chỉ Email)



Tô Văn Phương

SĐT: 090.539.8699

Email: phuongtv@ntu.edu.vn

Khánh Hòa, ngày 28 tháng 04 năm 2025

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Quách Hoài Nam